

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ HỒNG BÀNG**  
**KHOA ĐIỀU DƯỠNG**



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

**NGÀNH ĐIỀU DƯỠNG**  
**(Áp dụng từ năm học 2019 – 2020)**

**TP. HỒ CHÍ MINH, NĂM 2019**



## **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

(Ban hành theo Quyết định số: 425/QĐ-HIU ngày 8 tháng 8 năm 2019  
của Hiệu Trưởng trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng)

Tên chương trình : **Điều dưỡng**  
Trình độ đào tạo : **Đại học**  
Ngành đào tạo : **Điều dưỡng**  
Mã ngành : **7720301**  
Loại hình đào tạo : **Chính quy**

### **1. Mục tiêu đào tạo**

#### **1.1 Mục tiêu chung**

Đào tạo Cử nhân Điều dưỡng có ý thức, có ý thức phục vụ người dân, có kiến thức và kỹ năng thực hành nghề theo tiêu chuẩn năng lực thực hành nghề điều dưỡng ở trình độ đại học, có sức khỏe; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, có năng lực quản lý và phát triển nghề, tự học và nghiên cứu khoa học Điều dưỡng đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe người dân.

#### **1.2 Mục tiêu cụ thể:**

Cử nhân ngành Điều dưỡng có khả năng:

- Về kiến thức:

+PO1: Có kiến thức vững vàng về khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học chuyên ngành về khối ngành khoa học sức khỏe và ngành điều dưỡng.

+PO2: Nắm vững nguyên tắc thực hành Điều dưỡng và chuẩn năng lực thực hành điều dưỡng Việt Nam trong việc chăm sóc người bệnh, trong công tác quản lý điều dưỡng và hành nghề điều dưỡng.

- Về kỹ năng:

+PO3: Có năng lực thực hành chăm sóc, biết đánh giá tình trạng sức khỏe và bệnh tật của cá nhân, gia đình và cộng đồng.

+PO4: Sử dụng thành thạo quy trình điều dưỡng để lập kế hoạch chăm sóc và can thiệp điều dưỡng. Quản lý và vận hành các thiết bị y tế có hiệu quả.

- Về thái độ:

+ PO5: Trung thực, khách quan, thận trọng, ý thức làm việc hiệu quả trong thực hành nghề nghiệp, chân thành hợp tác với đồng nghiệp. Có ý thức phát triển nghề nghiệp, học tập liên tục và suốt đời. Tôn trọng, giao tiếp tốt với người bệnh. Ý thức trách nhiệm, đảm bảo an toàn cho người bệnh khi thực hành chăm sóc.

#### **1.3 Chuẩn đầu ra (PLO):**

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo, sinh viên có khả năng:



PLO1.Xác định các kiến thức về thể giới quan nhân sinh quan, cộng sản chủ nghĩa, đường lối cách mạng, đường lối quân sự của Đảng Cộng sản Việt Nam và các kiến thức rèn luyện thân thể, công nghệ thông tin cơ bản.

PLO2.Nhận định mối liên quan giữa các kiến thức cơ sở khối ngành với các khối kiến thức chuyên ngành cơ bản, các kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực điều dưỡng và nghiên cứu khoa học để ứng dụng trong thực hành dựa vào chứng cứ.

PLO3.Vận dụng các kiến thức về dịch tễ, sức khỏe nâng cao sức khỏe hành vi con người, tâm lý y học, tiêu chuẩn đạo đức, dinh dưỡng tiết chế, y học cổ truyền, các kiến thức về giao tiếp và kiến thức sơ cứu, cấp cứu để cung cấp dịch vụ liên quan chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

PLO4.Ứng dụng các học thuyết điều dưỡng nhằm đánh giá, nhận định, chẩn đoán và can thiệp điều dưỡng vào các nhu cầu chăm sóc điều dưỡng cơ bản và chăm sóc người bệnh theo các chuyên khoa Nội, Ngoại, Sản, Nhi, Nhiễm, Tâm thần, Phục hồi chức năng, người cao tuổi và cộng đồng.

PLO5.Áp dụng về quản lý công tác chăm sóc người bệnh, quản lý hồ sơ bệnh án, môi trường chăm sóc, thiết bị y tế và các nguồn lực khác để chăm sóc người bệnh an toàn, chất lượng, hiệu quả và hài lòng.

PLO6.Vận dụng các kiến thức chuyên sâu và hỗ trợ để thực hiện các kỹ năng chuyên nghiệp của điều dưỡng phù hợp với nhu cầu mà sinh viên quan tâm để có thể định hướng nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp.

PLO7.Sử dụng các kỹ năng xác định, phân tích và đánh giá tình trạng sức khỏe và nhu cầu chăm sóc, xác định vấn đề ưu tiên và ra quyết định chăm sóc điều dưỡng phù hợp.

PLO8.Sử dụng các kỹ năng tự đánh giá kết quả chăm sóc sau mỗi can thiệp điều dưỡng so với mục tiêu đề ra hoặc có khả năng thay đổi hướng can thiệp khác hiệu quả hơn và sử dụng các kỹ năng tư vấn hướng dẫn cá nhân, gia đình người bệnh trong việc chăm sóc tại nhà đối với các bệnh mãn tính và chăm sóc người bệnh giai đoạn cuối.

PLO9.Kết hợp các kỹ năng nghiên cứu và thực hành dựa vào chứng cứ, khám phá kiến thức mới trong lĩnh vực chăm sóc điều dưỡng để không xảy ra sai sót chuyên môn, quản lý nguy cơ, cung cấp môi trường chăm sóc an toàn.



PLO10. Kết hợp các kỹ năng làm việc độc lập và phối hợp với các đồng nghiệp nhằm đảm bảo chất lượng chăm sóc người bệnh toàn diện và liên tục hoặc phát hiện sớm các bệnh dịch tại địa phương và đề xuất các biện pháp để phòng dịch.

PLO11. Thể hiện tính trung thực, khách quan, thận trọng, ý thức làm việc hiệu quả trong thực hành nghề nghiệp, thể hiện trách nhiệm ý thức phát triển nghề nghiệp, học tập liên tục, suốt đời.

PLO12. Thể hiện trách nhiệm hành nghề theo pháp luật, chính sách của nhà nước và chuẩn đạo đức nghề nghiệp trong công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.

❖ **Kỹ năng mềm**

Thành thạo vi tính cơ bản.

Kỹ năng giao tiếp tốt với cá nhân và nhóm.

❖ **Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp**

Cử nhân Điều dưỡng, làm việc tại các cơ sở khám chữa bệnh ở các tuyến Trung ương, Thành phố, Tỉnh, Huyện, Cộng đồng và các cơ sở đào tạo cán bộ y tế.

❖ **Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp**

Sau khi tốt nghiệp có khả năng tiếp tục học tập nâng cao trình độ lên các cấp học cao hơn: Thạc sĩ, Chuyên khoa I, II Điều dưỡng, Tiến sĩ Điều dưỡng.

**2 Thời gian đào tạo: 4 năm**

**3 Khối lượng kiến thức toàn khoá: 144 tín chỉ (Không tính TC môn GDQPAN và GDTC)**

**4 Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Phổ thông Trung học hoặc tương đương**

**5 Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp: Theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; văn bản số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/05/2014 về việc xác thực hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT và thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT); Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ Quyết định số 435/2015/QĐ-ĐHB ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng.**

**6 Thang điểm: Theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; văn bản số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/05/2014 về việc xác thực hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT và thông tư 57/2012/TT-BGDĐT); Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ Quyết định số 435/2015/QĐ-ĐHB ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng).**

**7 Nội dung chương trình (tên và khối lượng các học phần)**



| STT                                                      | Mã HP | Tên học phần                           | Số tín chỉ | Học phần: học trước (a), tiên quyết(b), song hành (c) |
|----------------------------------------------------------|-------|----------------------------------------|------------|-------------------------------------------------------|
| <b>7.1 KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG</b>             |       |                                        | <b>45</b>  |                                                       |
| <b>7.1.1. Giáo dục quốc phòng</b>                        |       |                                        | <b>8</b>   |                                                       |
| 1                                                        | 02309 | LT - Giáo dục quốc phòng - An ninh (*) | 5(5,0,10)  |                                                       |
| 2                                                        | 02310 | TH – Giáo dục quốc phòng – An ninh (*) | 3(0,3,3)   |                                                       |
| <b>7.1.2. Giáo dục thể chất</b>                          |       |                                        | <b>3</b>   |                                                       |
| 3                                                        | 00044 | Giáo dục thể chất 1(*)                 | 1(0,1,1)   |                                                       |
| 4                                                        | 00045 | Giáo dục thể chất 2(*)                 | 1(0,1,1)   |                                                       |
| 5                                                        | 03066 | Giáo dục thể chất 3(*)                 | 1(0,1,1)   |                                                       |
| <b>7.1.3. Lý luận Mác-Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh</b> |       |                                        | <b>11</b>  |                                                       |
| 6                                                        | 05068 | Triết học Mác - Lênin                  | 3(3,0,6)   |                                                       |
| 7                                                        | 05069 | Kinh tế chính trị Mác - Lênin          | 2(2,0,4)   |                                                       |
| 8                                                        | 05070 | Chủ nghĩa xã hội khoa học              | 2(2,0,4)   |                                                       |
| 9                                                        | 05071 | Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam         | 2(2,0,4)   |                                                       |
| 10                                                       | 00007 | Tư tưởng Hồ Chí Minh                   | 2(2,0,4)   |                                                       |
| <b>7.1.4. Tin học</b>                                    |       |                                        | <b>2</b>   |                                                       |
| 11                                                       | 00008 | Tin học đại cương                      | 2(1,1,3)   |                                                       |
| <b>7.1.5. Khoa học xã hội</b>                            |       |                                        | <b>5</b>   |                                                       |
| 1                                                        | 04808 | Tư duy biện luận                       | 3(3,0,6)   |                                                       |
| 2                                                        | 00042 | Pháp luật đại cương                    | 2(2,0,4)   |                                                       |
| <b>7.1.5. Khoa học xã hội</b>                            |       |                                        |            |                                                       |
| <b>7.1.6. Ngoại ngữ</b>                                  |       |                                        | <b>14</b>  |                                                       |
| 1                                                        | 02764 | Intensive English-A1a                  | 3(3,0,6)   |                                                       |
| 2                                                        | 02765 | Intensive English-A1b                  | 4(4,0,8)   |                                                       |
| 3                                                        | 02766 | Intensive English-A2a                  | 3(3,0,6)   |                                                       |
| 4                                                        | 02767 | Intensive English-A2b                  | 4(4,0,8)   |                                                       |
| <b>7.1.7 Các môn cơ sở khối ngành</b>                    |       |                                        | <b>13</b>  |                                                       |
| 1                                                        | 02062 | Hoá học – Hóa sinh                     | 3(2,1,5)   |                                                       |
| 2                                                        | 00034 | Sinh học và di truyền                  | 2(1,1,3)   |                                                       |
| 3                                                        | 00035 | Vật lý và Lý sinh                      | 2(2,0,4)   |                                                       |
| 4                                                        | 03072 | Phương pháp nghiên cứu khoa học        | 2(2,0,4)   |                                                       |
| 5                                                        | 04868 | Tâm lý Y học – Pháp luật Tổ chức y tế  | 2(2,0,2)   |                                                       |
| 6                                                        | 00038 | Xác suất - Thống kê y học              | 2(1,1,3)   |                                                       |
| <b>7.2 KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP</b>         |       |                                        | <b>99</b>  |                                                       |
| <b>7.2.1 Kiến thức cơ sở ngành</b>                       |       |                                        | <b>24</b>  |                                                       |



| STT                                 | Mã HP | Tên học phần                                                      | Số tín chỉ | Học phần:<br>học trước (a),<br>tiên quyết(b),<br>song hành (c) |
|-------------------------------------|-------|-------------------------------------------------------------------|------------|----------------------------------------------------------------|
| 1                                   | 02296 | Giải phẫu – Mô phôi                                               | 3(2,1,5)   |                                                                |
| 2                                   | 00324 | Sinh lý                                                           | 3(2,1,5)   |                                                                |
| 3                                   | 00344 | Vi sinh vật                                                       | 2(1,1,3)   |                                                                |
| 4                                   | 00317 | Ký sinh trùng                                                     | 2(1,1,3)   |                                                                |
| 5                                   | 00326 | Sinh lý bệnh – Miễn dịch                                          | 3(2,1,5)   |                                                                |
| 6                                   | 00359 | Dược lý                                                           | 3(2,1,5)   |                                                                |
| 7                                   | 00328 | Sức khỏe - Nâng cao sức khỏe và hành vi con người                 | 2(1,1,3)   |                                                                |
| 8                                   | 00309 | Dinh dưỡng – Tiết chế                                             | 2(2,0,4)   |                                                                |
| 9                                   | 00297 | Dịch tễ học                                                       | 2(1,1,3)   |                                                                |
| 10                                  | 00358 | Y học cổ truyền                                                   | 2(1,1,3)   |                                                                |
| <b>7.2.2 Kiến thức chuyên ngành</b> |       |                                                                   | <b>61</b>  |                                                                |
| 1                                   | 03324 | Định hướng nghề nghiệp Điều dưỡng                                 | 2(1,1,3)   |                                                                |
| 2                                   | 00316 | Kỹ năng giao tiếp và Giáo dục sức khỏe trong thực hành Điều dưỡng | 2(1,1,3)   |                                                                |
| 3                                   | 03142 | Điều dưỡng cơ sở 1                                                | 2(2,0,4)   |                                                                |
| 4                                   | 00330 | Thực hành Điều dưỡng cơ sở 1                                      | 2(0,2,2)   |                                                                |
| 5                                   | 03143 | Điều dưỡng cơ sở 2                                                | 2(2,0,4)   |                                                                |
| 6                                   | 00333 | Thực hành Điều dưỡng cơ sở 2                                      | 2(0,2,2)   |                                                                |
| 7                                   | 00315 | Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành điều dưỡng                  | 2(1,1,3)   |                                                                |
| 8                                   | 05426 | Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa                         | 4(4,0,8)   |                                                                |
| 9                                   | 05427 | THBV Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa                    | 3(0,3,3)   |                                                                |
| 10                                  | 05428 | Chăm sóc sức khỏe người bệnh cao tuổi                             | 4(2,2,4)   |                                                                |
| 11                                  | 00260 | Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực                  | 2(2,0,4)   |                                                                |
| 12                                  | 05429 | Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa                       | 4(4,0,8)   |                                                                |
| 13                                  | 03328 | THBV Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa                  | 3(0,3,3)   |                                                                |
| 14                                  | 03329 | Chăm sóc sức khỏe trẻ em                                          | 2(2,0,4)   |                                                                |
| 15                                  | 03330 | THBV Chăm sóc sức khỏe trẻ em                                     | 3(0,3,3)   |                                                                |
| 16                                  | 03331 | Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình                       | 2(2,0,4)   |                                                                |
| 17                                  | 03332 | THBV Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình                  | 3(0,3,3)   |                                                                |
| 18                                  | 03333 | Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm                         | 2(2,0,4)   |                                                                |
| 19                                  | 03334 | THBV Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm                    | 3(0,3,3)   |                                                                |
| 20                                  | 03335 | Chăm sóc sức khỏe tâm thần – Chăm Sóc Sức Khỏe Cộng Đồng          | 2(2,0,4)   |                                                                |

V  
A  
NG  
OC  
TE  
BANK



| STT                                             | Mã HP | Tên học phần                                                              | Số tín chỉ        | Học phần: học trước (a), tiên quyết(b), song hành (c) |
|-------------------------------------------------|-------|---------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------------------------------------------|
| 21                                              | 00262 | Chăm sóc phục hồi chức năng                                               | 2(1,1,3)          |                                                       |
| 22                                              | 03336 | THBV Chăm sóc sức khỏe cộng đồng                                          | 2(0,2,4)          |                                                       |
| 23                                              | 05430 | Quản lý điều dưỡng - Đạo đức điều dưỡng                                   | 3(3,0,4)          |                                                       |
| 24                                              | 04554 | Anh văn chuyên ngành                                                      | 3(3,0,6)          |                                                       |
| <b>7.2.3 Kiến thức bổ trợ</b>                   |       |                                                                           | <b>8</b>          |                                                       |
| <b>1. Môn học tự chọn (Chọn 1 trong 2 nhóm)</b> |       |                                                                           | <b>4</b>          |                                                       |
| 1.1                                             | 03337 | THBV Điều dưỡng chuyên khoa hồi sức cấp cứu Nhi                           | 4(1,3,5)          |                                                       |
| 1.2                                             | 03338 | THBV Điều dưỡng chuyên khoa hồi sức cấp cứu Người lớn                     | 4(1,3,5)          |                                                       |
| 2                                               | 00343 | Thực tế nghề nghiệp                                                       | 4(0,4,4)          |                                                       |
| <b>3. Khóa luận tốt nghiệp</b>                  |       |                                                                           | <b>6</b>          |                                                       |
| 3                                               | 02936 | Khóa luận tốt nghiệp                                                      | 6(0,6,6)          |                                                       |
| <b>Môn học thay thế khóa luận</b>               |       |                                                                           |                   |                                                       |
| 3.1                                             | 02937 | Lý thuyết tổng hợp chuyên ngành điều dưỡng – Môn học thay thế khóa luận 1 | 3(3,0,6)          |                                                       |
| 3.2                                             | 02938 | Thực hành tổng hợp chuyên ngành điều dưỡng – Môn học thay thế khóa luận 2 | 3(0,3,6)          |                                                       |
| <b>Tổng cộng toàn khóa</b>                      |       |                                                                           | <b><u>144</u></b> |                                                       |



## 8. Khung chương trình

### 8.1 Kế hoạch đào tạo

| STT             | Mã HP | Tên học phần                      | Số TC     | Ghi chú |
|-----------------|-------|-----------------------------------|-----------|---------|
| <b>HỌC KỲ 1</b> |       |                                   | <b>16</b> |         |
| 1               | 02764 | Intensive English-A1a             | 3(3,0,6)  |         |
| 2               | 02765 | Intensive English-A1b             | 4(4,0,8)  |         |
| 3               | 00034 | Sinh học và di truyền             | 2(1,1,3)  |         |
| 4               | 03324 | Định hướng nghề nghiệp Điều dưỡng | 2(1,1,3)  |         |
| 5               | 02296 | Giải phẫu – Mô phôi               | 3(2,1,5)  |         |
| 3               | 00035 | Vật lý và Lý sinh                 | 2(2,0,4)  |         |



| STT                                                                   | Mã HP | Tên học phần                                                      | Số TC     | Ghi chú                      |
|-----------------------------------------------------------------------|-------|-------------------------------------------------------------------|-----------|------------------------------|
| <b>HỌC KỲ 2</b>                                                       |       |                                                                   | <b>18</b> |                              |
| 1                                                                     | 02766 | Intensive English-A2a                                             | 3(3,0,6)  |                              |
| 2                                                                     | 02767 | Intensive English-A2b                                             | 4(4,0,8)  |                              |
| 3                                                                     | 00038 | Xác suất thống kê y học                                           | 2(1,1,3)  |                              |
| 4                                                                     | 00324 | Sinh lý                                                           | 3(2,1,5)  |                              |
| 5                                                                     | 02062 | Hóa học – Hóa sinh                                                | 3(2,1,5)  |                              |
| 6                                                                     | 04808 | Tư duy biện luận                                                  | 3(3,0,6)  |                              |
| <b>HỌC KỲ HÈ 1</b>                                                    |       |                                                                   |           |                              |
| Dành cho sinh viên đăng ký học phần GDTC-ANQP, học lại, học vượt, ... |       |                                                                   |           |                              |
| <b>HỌC KỲ 3</b>                                                       |       |                                                                   | <b>15</b> |                              |
| 1                                                                     | 00326 | Sinh lý bệnh miễn dịch                                            | 3(2,1,5)  |                              |
| 2                                                                     | 00344 | Vì sinh vật                                                       | 2(1,1,3)  |                              |
| 3                                                                     | 00317 | Ký sinh trùng                                                     | 2(1,1,3)  |                              |
| 4                                                                     | 03142 | Điều dưỡng cơ sở 1                                                | 2(2,0,4)  | Dạy song ngữ<br>(Anh – Việt) |
| 5                                                                     | 00297 | Dịch tễ học                                                       | 2(1,1,3)  |                              |
| 6                                                                     | 00328 | Sức khỏe – Nâng cao sức khỏe và hành vi con người                 | 2(1,1,3)  |                              |
| 7                                                                     | 00330 | Thực hành điều dưỡng cơ sở 1                                      | 2(0,2,2)  |                              |
| 8                                                                     | 00042 | Pháp luật đại cương                                               | 2(2,0,4)  |                              |
| <b>HỌC KỲ 4</b>                                                       |       |                                                                   | <b>17</b> |                              |
| 1                                                                     | 00008 | Tin học Đại cương                                                 | 2(1,1,3)  |                              |
| 2                                                                     | 04868 | Tâm lý y học – Pháp luật Tổ chức y tế                             | 2(2,0,4)  |                              |
| 3                                                                     | 03072 | Phương pháp nghiên cứu khoa học                                   | 2(2,0,4)  | Dạy song ngữ<br>(Anh – Việt) |
| 4                                                                     | 00316 | Kỹ năng giao tiếp và giáo dục sức khỏe trong thực hành điều dưỡng | 2(1,1,3)  |                              |
| 5                                                                     | 00309 | Dinh dưỡng tiết chế                                               | 2(2,0,4)  |                              |
| 6                                                                     | 00359 | Dược lý                                                           | 3(2,1,5)  |                              |
| 7                                                                     | 03143 | Điều dưỡng cơ sở 2                                                | 2(2,0,4)  |                              |
| 8                                                                     | 00333 | Thực hành điều dưỡng cơ sở 2                                      | 2(0,2,2)  |                              |
| <b>HỌC KỲ HÈ 2</b>                                                    |       |                                                                   |           |                              |
| Dành cho sinh viên đăng ký học phần GDTC-ANQP, học lại, học vượt, ... |       |                                                                   |           |                              |
| <b>HỌC KỲ 5</b>                                                       |       |                                                                   | <b>21</b> |                              |



| STT                                                                   | Mã HP | Tên học phần                                             | Số TC     | Ghi chú                   |
|-----------------------------------------------------------------------|-------|----------------------------------------------------------|-----------|---------------------------|
| 1                                                                     | 05068 | Triết học Mác-Lênin                                      | 3(3,0,6)  |                           |
| 2                                                                     | 00315 | Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành điều dưỡng         | 2(1,1,3)  |                           |
| 3                                                                     | 05426 | Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa                | 4(4,0,8)  |                           |
| 4                                                                     | 05429 | Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa              | 4(4,0,8)  |                           |
| 5                                                                     | 03329 | Chăm sóc sức khỏe trẻ em                                 | 2(2,0,4)  | Dạy song ngữ (Anh – Việt) |
| 6                                                                     | 05427 | THBV Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa           | 3(0,3,3)  |                           |
| 7                                                                     | 03328 | THBV Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa         | 3(0,3,3)  |                           |
| <b>HỌC KỲ 6</b>                                                       |       |                                                          | <b>20</b> |                           |
| 1                                                                     | 05069 | Kinh tế chính trị Mác-Lênin                              | 2(2,0,4)  |                           |
| 2                                                                     | 05070 | Chủ nghĩa xã hội khoa học                                | 2(2,0,4)  |                           |
| 3                                                                     | 00260 | Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực         | 2(2,0,4)  |                           |
| 4                                                                     | 05428 | Chăm sóc sức khỏe người bệnh cao tuổi                    | 4(2,2,4)  |                           |
| 5                                                                     | 00262 | Chăm sóc phục hồi chức năng                              | 2(1,1,3)  |                           |
| 6                                                                     | 03333 | Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm                | 2(2,0,4)  | Dạy song ngữ (Anh – Việt) |
| 7                                                                     | 03330 | THBV Chăm sóc sức khỏe trẻ em                            | 3(0,3,3)  |                           |
| 8                                                                     | 03334 | THBV Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm           | 3(0,3,3)  |                           |
| <b>HỌC KỲ HÈ 3</b>                                                    |       |                                                          |           |                           |
| Dành cho sinh viên đăng ký học phần GDTC-ANQP, học lại, học vượt, ... |       |                                                          |           |                           |
| <b>HỌC KỲ 7</b>                                                       |       |                                                          | <b>18</b> |                           |
| 1                                                                     | 05071 | Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam                           | 2(2,0,4)  |                           |
| 2                                                                     | 00007 | Tư tưởng Hồ Chí Minh                                     | 2(2,0,4)  |                           |
| 3                                                                     | 03335 | Chăm sóc sức khỏe tâm thần – Chăm sóc sức khỏe cộng đồng | 2(2,0,4)  |                           |
| 4                                                                     | 03331 | Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình              | 2(2,0,4)  |                           |
| 5                                                                     | 00358 | Y học cổ truyền                                          | 2(1,1,3)  |                           |
| 6                                                                     | 04554 | Anh văn chuyên ngành                                     | 3(3,0,6)  |                           |



| STT                        | Mã HP                             | Tên học phần                                                          | Số TC      | Ghi chú |
|----------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|------------|---------|
| 7                          | 03332                             | THBV Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình                      | 3(0,3,3)   |         |
| 8                          | 03336                             | THBV Chăm sóc sức khỏe cộng đồng                                      | 2(0,2,4)   |         |
| <b>HỌC KỲ 8</b>            |                                   |                                                                       | <b>17</b>  |         |
| 1                          | 05430                             | Quản lý điều dưỡng – Đạo đức điều dưỡng                               | 3(3,0,4)   |         |
| 2                          | Môn tự chọn (chọn 1 trong 2 nhóm) |                                                                       | 4(1,3,2)   |         |
| 2.1                        | 03337                             | THBV Điều dưỡng chuyên khoa hồi sức cấp cứu nhi                       | 4(1,3,2)   |         |
| 2.2                        | 03338                             | THBV Điều dưỡng chuyên khoa hồi sức cấp cứu người lớn                 | 4(1,3,2)   |         |
| 3                          | 00343                             | Thực tế nghề nghiệp                                                   | 4(0,4,4)   |         |
| 4                          | 02936                             | Khóa luận tốt nghiệp                                                  | 6(0,6,6)   |         |
| Môn thay thế khóa luận     |                                   |                                                                       |            |         |
| 4.1                        | 02937                             | Lý thuyết tổng hợp chuyên ngành Điều dưỡng – Môn thay thế khóa luận 1 | 3(3,0,6)   |         |
| 4.2                        | 02938                             | Thực hành tổng hợp chuyên ngành Điều dưỡng – Môn thay thế khóa luận 2 | 3(0,3,6)   |         |
| <b>TỔNG CỘNG TOÀN KHÓA</b> |                                   |                                                                       | <b>144</b> |         |

Ghi chú:

- Các học phần GDTC-ANQP sinh viên tự đăng ký học trong 3 năm đầu của khóa học.
- Các học kỳ hè: các Khoa chủ động cho sinh viên đăng ký trả nợ hoặc học vượt....

## 8.2 Hướng dẫn thực hiện chương trình

❖ Chương trình giáo dục đại học này được thiết kế dựa trên văn bản sau:

- Quyết định của Thủ tướng chính phủ số 518/QĐ-TTg ngày 11/07/1997 thành lập trường thành lập trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng;
- Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT, ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; văn bản số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/05/2014 về việc xác thực hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT và thông tư 57/2012/TT-BGĐT;
- Thông tư số 08/2011/TT-BGDĐT Ngày 17 tháng 2 năm 2011 Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình mở ngành đào tạo, đình chỉ, tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng;



- Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ Quyết định số 435/2015/QĐ-ĐHB ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng;
- Thông tư số 07/2011/TT-BYT ngày 26/01/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế về hướng dẫn công tác Điều dưỡng về chăm sóc người bệnh trong bệnh viện.
- Quyết định số 1352/QĐ-BYT ngày 21 tháng 04 năm 2012 về chuẩn năng lực điều dưỡng Việt Nam.

❖ **Yêu cầu đối với sinh viên khoa và giáo viên khoa Điều dưỡng**

- Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa Điều dưỡng trường Đại học Quốc Tế Hồng Bàng có trách nhiệm theo dõi việc thực hiện đầy đủ các danh mục các học phần theo đúng quy định của khung chương trình đào tạo.
- Đề cương chi tiết học phần kèm theo chương trình này là cơ sở để theo dõi, kiểm tra việc thực hiện nề nếp; thực hiện nội dung giảng dạy và nội dung của các đề thi kết thúc học phần.
- Giảng viên giảng dạy mỗi học phần có trách nhiệm thực hiện đầy đủ và có chất lượng cao các nội dung dạy và học trong đề cương chi tiết môn học; đảm bảo chính xác phân phối tỷ lệ giờ: lý thuyết, thảo luận, bài tập thực hành, tự học.
- Lớp học mở theo đăng ký của sinh viên. Mỗi lớp học có ít nhất 20 sinh viên đăng ký trở lên.
- Thời gian cho sinh viên tích lũy đủ số tín chỉ là theo quy chế đào tạo của Trường. Khi tích lũy đủ số tín chỉ qui định trong khung chương trình đào tạo thì sinh viên mới được xét cấp bằng tốt nghiệp.

## 9. Mô tả vắn tắt nội dung và đề cương chi tiết các học phần

❖ **Giáo dục quốc phòng - an ninh**

Học phần này giới thiệu những vấn đề cơ bản về truyền thống quân đội Nhân dân Việt Nam và nghĩa vụ của người thanh niên đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 81/2007/QĐ-BGDĐT ngày 24/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình Giáo dục Quốc phòng - An ninh trình độ đại học, cao đẳng.

Sau khi học xong học phần này, người học sẽ thực hiện được những thao tác kỹ thuật về: điều lệ đội ngũ, bắn súng AK, ném lựu đạn, chiến thuật tiến công và phòng ngự trong chiến đấu và rèn luyện được tác phong quân sự trong sinh hoạt, học tập, góp phần giữ vững trật tự, an ninh trong nhà trường.

❖ **Hóa học và Hóa sinh**

Nội dung gồm những kiến thức cơ bản về hoá học, hoá hữu cơ, hoá phân tích và có hệ thống về hóa sinh. Các sinh chất chủ yếu và chuyển hóa của chúng ở tế bào của cơ thể sống; các nguyên tắc, cách xác định và ý nghĩa một số xét nghiệm hóa sinh lâm sàng thông thường. Giải thích được một số quá trình hóa học xảy ra trong cơ thể sống. Vận dụng những kiến thức hóa sinh vào việc học tập các môn học khác của ngành điều dưỡng.

❖ **Sinh học và di truyền**



Nội dung gồm kiến thức về sinh học phân tử, sinh học tế bào, sinh học phát triển; kiến thức về vai trò của di truyền y học, đặc điểm của các nhóm bệnh di truyền chính.

❖ **Vật lý và lý sinh**

Điều kiện tiên quyết: Sinh học và di truyền, Hóa học và Hóa sinh

Nội dung gồm kiến thức, kỹ năng cơ bản về sự biến đổi năng lượng trên cơ thể sống; sự vận chuyển chất trong cơ thể; hiện tượng điện sinh học; quang sinh học; âm và siêu âm; phóng xạ sinh học. Các ứng dụng chính của các yếu tố vật lý lên cơ thể sống phục vụ mục đích bảo vệ môi trường và cơ thể.

❖ **Phương pháp NCKH**

Điều kiện tiên quyết: Xác suất – thống kê y học.

Nội dung gồm những kiến thức cơ bản về phương pháp luận và cách thức tiến hành nghiên cứu khoa học điều dưỡng. Một số phương pháp thực hành nghiên cứu khoa học điều dưỡng và chất lượng chăm sóc người bệnh; Nhận xét, đánh giá các báo cáo, tài liệu nghiên cứu khoa học về điều dưỡng. Phương pháp trình bày một nội dung nghiên cứu khoa học về điều dưỡng.

❖ **Tâm lý y học - Đạo đức Điều dưỡng**

Nội dung gồm kiến thức cơ bản về Tâm lý và Tâm lý y học. Các nguyên lý cơ bản của tâm lý y học trong thực hành nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học dựa trên các quy định chung của Việt Nam và Quốc tế.

❖ **Xác suất –thống kê y học**

Điều kiện tiên quyết: Tin học đại cương

Nội dung gồm kiến thức, kỹ năng cơ bản về xác suất và thống kê y học: Định nghĩa, định lý, công thức tính xác suất; Cách chọn mẫu, xác định cỡ mẫu; Xử lý được các số liệu thống kê; Ứng dụng các TEST thống kê phù hợp vào từng nghiên cứu; Sử dụng phần mềm để xử lý các thông tin Y học phục vụ công tác thống kê, báo cáo và nghiên cứu khoa học điều dưỡng.

❖ **Giải phẫu- Mô phôi**

*Học phần 1 - Giải phẫu:* Nội dung gồm những kiến thức về đặc điểm giải phẫu của các bộ phận, cơ quan trong cơ thể người; kiến thức về chức năng, hoạt động của các cơ quan và mối liên hệ với dấu hiệu lâm sàng và áp dụng vào việc học tập các môn học của ngành điều dưỡng.

*Học phần 2 – Mô phôi:* Điều kiện tiên quyết: Sinh học và di truyền.

Nội dung mô tả cấu trúc vi thể của các mô, các bộ phận chủ yếu của các cơ quan trong cơ thể người bình thường; mối liên quan giữa cấu tạo và chức năng của các mô và các cơ quan. Sự hình thành và phát triển của phôi thai người bình thường và một số dị dạng bẩm sinh thường gặp và ứng dụng vào việc học tập các môn học của ngành điều dưỡng.

❖ **Sinh lý**

Điều kiện tiên quyết: Giải phẫu, Hoá học – hóa sinh, Sinh học và Di truyền

Nội dung gồm kiến thức cơ bản về chức năng, hoạt động của các cơ quan, hệ thống các cơ quan trong cơ thể con người và điều hòa chức năng trong mối liên hệ thống nhất giữa chúng với nhau và giữa cơ thể với môi trường. Vận dụng những kiến thức về sinh lý



học để giải thích một số rối loạn chức năng và ứng dụng vào việc học tập các môn học của ngành điều dưỡng.

❖ **Vi sinh vật**

Điều kiện tiên quyết: Sinh học và Di truyền

Nội dung gồm đặc điểm cơ bản về hình dạng, cấu trúc, nuôi cấy, kháng nguyên và miễn dịch của vi sinh vật y học; mối quan hệ của vi sinh vật với môi trường và cơ thể con người, khả năng và cơ chế gây bệnh của vi sinh vật; nguyên tắc phòng và chống vi sinh vật gây bệnh; các phương pháp xét nghiệm vi sinh vật gây bệnh. Vận dụng những kiến thức vi sinh vật vào việc học tập các môn học khác của ngành điều dưỡng.

❖ **Ký sinh trùng**

Điều kiện tiên quyết: Sinh học và Di truyền

Nội dung bao gồm những kiến thức cơ bản về đặc điểm sinh học, hình thể, cấu tạo, đặc điểm sinh lý, sinh thái và chu kỳ phát triển và đặc điểm dịch tễ học của một số loại ký sinh trùng chủ yếu ở Việt nam; đặc điểm cơ bản về bệnh học, nguyên tắc và biện pháp phòng chống ký sinh trùng; mối liên quan giữa ký sinh trùng và sức khỏe cộng đồng. Vận dụng những kiến thức về ký sinh trùng vào việc học tập các môn học khác của ngành điều dưỡng.

❖ **Sinh lý bệnh- Miễn dịch**

Điều kiện tiên quyết: Sinh lý

Nội dung gồm các quy luật hoạt động của các cơ quan, hệ thống cơ quan bị bệnh, các quá trình bệnh lý điển hình – quy luật hoạt động của bệnh nói chung; hệ thống các cơ quan và tế bào tham gia vào đáp ứng miễn dịch; các giai đoạn, các yếu tố tham gia vào sự hình thành đáp ứng miễn dịch của cơ thể; vai trò của hệ thống miễn dịch đặc hiệu và không đặc hiệu trong khả năng đề kháng, phòng chống bệnh tật của cơ thể; những điểm cơ bản nhất về cơ chế rối loạn đáp ứng miễn dịch trong bệnh lý quá mẫn, thiếu năng miễn dịch và tự miễn. Vận dụng kiến thức Sinh lý bệnh-Miễn dịch vào việc học tập các môn điều dưỡng và chăm sóc người bệnh.

❖ **Dược lý**

Điều kiện tiên quyết: Hóa học-Hóa sinh, sinh lý

Nội dung gồm các kiến thức cơ bản về hoạt động của thuốc trong cơ thể người bao gồm các nguyên lý dược động học như: hấp thu, phân bố, chuyển hóa, bài tiết, tác dụng mong muốn và không mong muốn, cơ chế tác dụng và cách sử dụng của một số thuốc thường dùng. Nhận biết hình dạng, tính chất, tác dụng của một số thuốc cơ bản; Vận dụng được những hiểu biết về thuốc vào việc sử dụng thuốc an toàn cho người bệnh.

❖ **Sức khỏe- Nâng cao sức khỏe& Hành vi con người**

Điều kiện tiên quyết: Các môn cơ sở ngành

Nội dung gồm những kiến thức cơ bản về sức khỏe, về phương pháp, nội dung, phương tiện, các kỹ năng nâng cao sức khỏe; các khái niệm cơ bản về hành vi con người; mối liên quan giữa hành vi con người với các vấn đề sức khỏe, vai trò của nâng cao sức khỏe trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe cho cá nhân và cộng đồng.

❖ **Dinh dưỡng- Tiết chế**

Điều kiện tiên quyết: điều dưỡng cơ sở 1, điều dưỡng cơ sở 2.



Nội dung bao gồm những kiến thức về khoa học dinh dưỡng và khoa học thực phẩm để đảm bảo nhu cầu dinh dưỡng cho các đối tượng ở cộng đồng; các kiến thức đánh giá và giám sát dinh dưỡng trong theo dõi và phát hiện những vấn đề dinh dưỡng ở cộng đồng; xây dựng khẩu phần ăn, tiết chế dinh dưỡng; các kiến thức cơ bản về an toàn vệ sinh thực phẩm; Vận dụng kiến thức về Dinh dưỡng-Tiết chế vào thực tế chăm sóc người bệnh và cộng đồng, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và phù hợp với văn hoá của người bệnh và cộng đồng.

#### ❖ **Dịch tễ học**

Điều kiện tiên quyết: Xác suất - thống kê y học

Cung cấp những kiến thức cơ bản về nguyên tắc và nội dung chính của dịch tễ học và ứng dụng các nguyên tắc này trong chăm sóc sức khỏe; Các chỉ số sức khỏe chủ yếu của cộng đồng, cách xác định yếu tố nguy cơ phát triển của bệnh; Mô tả và phân tích tình trạng sức khỏe của cộng đồng dân cư; Phân tích đặc điểm dịch tễ của một số bệnh truyền nhiễm thường gặp trong cộng đồng; Nguyên tắc điều tra, kiểm soát một vụ dịch; Vận dụng được một số thiết kế nghiên cứu dịch tễ học thường được sử dụng trong công tác chăm sóc sức khỏe.

#### ❖ **Pháp luật- Tổ chức Y tế**

Nội dung gồm kiến thức chung nhất về nhà nước và pháp luật; những quy định pháp luật liên quan đến lĩnh vực chăm sóc sức khỏe và hành nghề Điều dưỡng. Kiến thức về hệ thống tổ chức, quản lý và hoạt động của ngành Y tế nói chung và của ngành Điều dưỡng Việt Nam. Chức năng, nhiệm vụ, tổ chức quản lý của người Điều dưỡng và hệ thống tổ chức Điều dưỡng.

#### ❖ **Y học Cổ truyền**

Điều kiện tiên quyết: Kiến thức cơ sở khối ngành và cơ sở ngành

Nội dung gồm những kiến thức cơ bản về lý luận Y học cổ truyền: Một số phương pháp chẩn trị của Y học cổ truyền; Ứng dụng được một số phương pháp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe bằng Y học cổ truyền.

#### ❖ **Kỹ năng giao tiếp và Giáo dục sức khỏe trong thực hành Điều dưỡng**

Điều kiện tiên quyết: Sức khỏe - nâng cao sức khỏe và hành vi con người

Kỹ năng giao tiếp gồm những kiến thức cơ bản về kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong các tình huống giao tiếp khác nhau; hình thành phong cách và kỹ thuật giao tiếp lấy người bệnh là trung tâm.

Giáo dục sức khỏe trong thực hành điều dưỡng gồm những kiến thức cơ bản về phương pháp, nội dung, phương tiện, các kỹ năng giáo dục sức khỏe, vai trò của người điều dưỡng trong việc nâng cao sức khỏe và thể trạng của cá nhân, gia đình và cộng đồng; lựa chọn những phương pháp, phương tiện và kỹ năng truyền thông phù hợp với từng nhóm đối tượng.

#### ❖ **Điều dưỡng cơ sở 1**

Điều kiện tiên quyết: Các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành.

Nội dung học phần này cung cấp kiến thức về lịch sử điều dưỡng, hệ thống tổ chức ngành điều dưỡng, vị trí của điều dưỡng trong hệ thống tổ chức ngành y tế Việt Nam; những vai trò, chức năng của người điều dưỡng và định hướng phát triển; những



nhu cầu cơ bản của con người và mối liên quan đến công tác điều dưỡng; mục đích, nguyên tắc và các chuẩn thực hành điều dưỡng; các học thuyết về điều dưỡng; cách lập qui trình điều dưỡng; các tai biến và cách xử trí trong, sau quá trình chăm sóc người bệnh.

Sau khi học xong học phần người học hiểu rõ hệ thống tổ chức ngành điều dưỡng, chức trách nhiệm vụ của điều dưỡng trong chăm sóc sức khỏe và có thể vận dụng những kiến thức để chăm sóc cho người bệnh và cộng đồng.

#### ❖ **Điều dưỡng cơ sở 2**

Điều kiện tiên quyết: học xong môn học Điều dưỡng cơ sở 1

Nội dung học phần này cung cấp những kiến thức về mục đích, nguyên tắc áp dụng các kỹ thuật chăm sóc người bệnh; qui trình của các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản; các tai biến và cách xử trí trong, sau quá trình chăm sóc người bệnh.

Sau khi học xong học phần này người học có thể thực hiện đúng các kỹ thuật chăm sóc người bệnh theo chuẩn năng lực điều dưỡng.

#### ❖ **Nghề nghiệp và Đạo đức Điều dưỡng**

Nội dung học phần này bao gồm các kiến thức cơ bản về đặc điểm nghề nghiệp của người điều dưỡng, những khái niệm, nguyên tắc cơ bản về đạo đức điều dưỡng và chuẩn năng lực trong thực hành nghề nghiệp điều dưỡng, các bộ luật qui định về đạo đức điều dưỡng và trách nhiệm của người điều dưỡng trong việc bảo vệ quyền lợi của người bệnh khi chăm sóc trách nhiệm của người điều dưỡng trong việc bảo vệ quyền lợi của người bệnh khi chăm sóc người bệnh và cộng đồng. (của Hội điều dưỡng Việt Nam và Quốc tế), những mối quan hệ giữa đạo đức với y đức và vị trí của nó trong thực hành điều dưỡng.

Sau khi học xong học phần này người học xác định được nghề nghiệp và vị trí cũng như vai trò, trách nhiệm của người điều dưỡng trong chăm sóc người bệnh và cộng đồng.

#### ❖ **Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành điều dưỡng**

Điều kiện tiên quyết: Điều dưỡng cơ sở 1, 2.

Nội dung gồm kiến thức cơ bản về sự an toàn của người bệnh trong môi trường bệnh viện; các nhiễm khuẩn mắc phải trong bệnh viện; các quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn, sử dụng bằng chứng liên quan đến nhiễm khuẩn; vai trò nhiệm vụ của người Điều dưỡng trong kiểm soát nhiễm khuẩn.

#### ❖ **Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa**

Điều kiện tiên quyết: Điều dưỡng cơ sở, Giao tiếp trong thực hành Điều dưỡng, Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành điều dưỡng.

Nội dung học phần cung cấp cho người học nguyên nhân, biểu hiện của một số bệnh và hội chứng nội khoa thường gặp ở người lớn; cách nhận định một số dấu hiệu, triệu chứng một số bệnh thường gặp và lập, thực hiện quy trình chăm sóc một người bệnh cụ thể.

#### ❖ **THBV Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa**

Điều kiện tiên quyết: Điều dưỡng cơ sở, Giao tiếp trong thực hành Điều dưỡng, Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành điều dưỡng, chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 1.



Nội dung học phần bao gồm những vận dụng kiến thức đã học thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc nội khoa (lập kế hoạch và thực hành lâm sàng chăm sóc người bệnh).

❖ **Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực**

Điều kiện tiên quyết: Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa.

Nội dung bao gồm những kiến thức cơ bản về chăm sóc người bệnh trong tình trạng cấp cứu, nguy kịch và chăm sóc đặc biệt; thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc người bệnh trong các trường hợp cấp cứu, nguy kịch, chăm sóc đặc biệt.

❖ **Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa**

Điều kiện tiên quyết: Điều dưỡng cơ bản, Giao tiếp trong thực hành Điều dưỡng, Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành điều dưỡng.

Nội dung học phần cung cấp cho người học kiến thức của một số bệnh ngoại khoa và chuyên khoa hệ ngoại; quy trình chăm sóc ngoại khoa thường gặp ở người lớn.

Sau khi học xong học phần này, người học có thể vận dụng để nhận định, lập và thực hiện quy trình chăm sóc một số bệnh ngoại khoa thường gặp ở người lớn.

❖ **THBV Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa**

Điều kiện tiên quyết: Điều dưỡng cơ bản, Giao tiếp trong thực hành Điều dưỡng, Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành điều dưỡng, Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa 1.

Nội dung học phần bao gồm những vận dụng kiến thức đã học thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc ngoại khoa (lập kế hoạch và thực hành lâm sàng chăm sóc người bệnh).

❖ **Chăm sóc sức khỏe trẻ em**

Điều kiện tiên quyết: Điều dưỡng cơ sở, Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa, Ngoại khoa

Nội dung học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về đặc điểm giải phẫu - sinh lý và sự phát triển thể chất, tinh thần của trẻ qua các thời kỳ; nguyên nhân, triệu chứng, tiến triển, biến chứng và biện pháp phòng một số bệnh thường gặp ở trẻ em; chế độ nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ khỏe mạnh và trẻ bị bệnh.

Sau khi học xong học phần này, người học có thể vận dụng để lập và thực hiện quy trình chăm sóc trẻ bệnh, hướng dẫn chế độ nuôi dưỡng và cách chăm sóc trẻ cho bà mẹ hoặc người chăm sóc trẻ.

❖ **Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình**

Điều kiện tiên quyết: Điều dưỡng cơ bản, Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa, Ngoại khoa.

Nội dung bao gồm những kiến thức cơ bản về chăm sóc sức khỏe phụ nữ, sức khỏe người mẹ khi có thai, trong và sau khi đẻ và thời kỳ mãn kinh. Lập quy trình chăm sóc cơ bản về Sản-Phụ khoa, kế hoạch hóa gia đình.

❖ **Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm**

Điều kiện tiên quyết: Điều dưỡng cơ bản, Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa, Ngoại khoa.



Nội dung bao gồm những kiến thức cơ bản về bệnh truyền nhiễm, chăm sóc điều dưỡng người mắc bệnh truyền nhiễm; thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc bệnh truyền nhiễm (lập kế hoạch và thực hành lâm sàng chăm sóc người bệnh).

❖ **Chăm sóc sức khỏe tâm thần và chăm sóc sức khỏe cộng đồng**

Điều kiện tiên quyết: Điều dưỡng cơ bản, Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa.

Nội dung bao gồm những kiến thức cơ bản về sức khỏe tâm thần và chăm sóc sức khỏe tâm thần; các phương pháp trị liệu, chăm sóc cho người mắc các bệnh tâm thần; thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc cho người mắc bệnh tâm thần (lập kế hoạch và thực hành lâm sàng chăm sóc người bệnh). Phần chăm sóc sức khỏe cộng đồng gồm những kiến thức cơ bản về sức khỏe cộng đồng và chăm sóc sức khỏe cộng đồng; các phương pháp chăm sóc sức khỏe cộng đồng và vai trò, nhiệm vụ của người Điều dưỡng trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng; thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc điều dưỡng sức khỏe cộng đồng.

❖ **Chăm sóc phục hồi chức năng**

Điều kiện tiên quyết: Điều dưỡng cơ bản, Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa, Ngoại khoa.

Nội dung bao gồm những kiến thức cơ bản về phục hồi chức năng; Một số phương pháp vật lý trị liệu và phục hồi chức năng; vai trò, nhiệm vụ của người Điều dưỡng trong quá trình chăm sóc sức khỏe người bệnh và cộng đồng bằng vật lý trị liệu và phục hồi chức năng; thực hiện được một số phương pháp vật lý trị liệu và phục hồi chức năng.

❖ **Quản lý điều dưỡng**

Điều kiện tiên quyết: Điều dưỡng cơ bản.

Nội dung gồm những khái niệm cơ bản về khoa học quản lý nói chung và quản lý y tế; vận dụng kiến thức về quản lý y tế vào trong các hoạt động quản lý điều dưỡng; thực hiện chức năng, nhiệm vụ người Điều dưỡng trong hệ thống quản lý Điều dưỡng; phát triển kỹ năng duy trì các mối quan hệ hợp tác nhằm xây dựng nhóm chăm sóc sức khỏe hiệu quả. Hiểu và quảng bá quan điểm đúng về điều dưỡng trong hệ thống Y tế và cộng đồng. Phát triển kỹ năng thiết lập môi trường làm việc an toàn.

❖ **Anh văn chuyên ngành**

Điều kiện tiên quyết: Anh văn (Chuẩn A2 Châu Âu), Các môn cơ sở ngành và chuyên ngành

Đây là nội dung ngoại ngữ cơ bản nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, các kỹ năng giao tiếp thông dụng cùng vốn từ cần thiết cho giao tiếp chuyên ngành y; đồng thời có thể áp dụng để tham khảo một số tài liệu y văn về ngành điều dưỡng.

❖ **THBV Điều dưỡng chuyên khoa hồi sức cấp cứu Nhi**

Điều kiện tiên quyết: Chăm sóc sức khỏe trẻ em, Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực.

Môn học này tạo cơ hội cho sinh viên sử dụng quy trình điều dưỡng trong chăm sóc sức khỏe cho bệnh nhi, kết hợp kiến thức về các thành phần cơ bản của chăm sóc với sự



tăng trưởng và phát triển qua các giai đoạn tuổi trẻ. Tăng cường kiến thức và kỹ năng cho sinh viên nhằm nâng cao sức khỏe cho trẻ khỏe mạnh cũng như các can thiệp điều dưỡng cụ thể cho trẻ bệnh và giúp ba mẹ tham gia vào việc chăm sóc trẻ.

#### ❖ THBV Điều dưỡng chuyên khoa hồi sức cấp cứu Người lớn

Điều kiện tiên quyết: Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa, Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa, Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực.

Môn học chăm sóc hồi sức và cấp cứu là môn học dạy cho sinh viên có khả năng cung cấp sự chăm sóc một cách tích cực cho người bệnh là người đang trải qua hoặc có những điều kiện thật sự bị đe dọa đến tính mạng. Môn học này được xây dựng dựa trên kiến thức đã học và cung cấp thêm các kiến thức, kỹ năng cần thiết cho người điều dưỡng có khả năng phát hiện sớm các vấn đề nghiêm trọng, thực hiện chăm sóc, giám sát và theo dõi bệnh nhân trong tình trạng cấp cứu và nguy kịch. Môn học này đòi hỏi người điều dưỡng phải có kiến thức về các bệnh lý cấp cứu, và phải biết vận dụng kiến thức và kỹ năng của mình để nhanh chóng đánh giá tình trạng người bệnh và sử dụng tư duy suy luận khi thực hiện các y lệnh điều trị của bác sĩ.

#### ❖ Thực tế nghề nghiệp

Đợt thực tế tốt nghiệp tổ chức vào cuối khóa học, trước khi thi tốt nghiệp giúp cho sinh viên có thể hoàn thiện các kỹ năng, kiến thức cơ bản như đánh giá được mô hình tổ chức, công tác quản lý khoa phòng và bệnh viện, mô tả và phân tích được chức năng nhiệm vụ, vai trò của điều dưỡng viên, điều dưỡng trưởng khoa, điều dưỡng trưởng bệnh viện, lập và thực hiện được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân cho từng loại bệnh, mô tả và đánh giá được mô hình quản lý sức khỏe cộng đồng, mô tả và đánh giá được qui trình vô khuẩn, tiệt khuẩn tại bệnh viện;

Đợt thực tế tốt nghiệp sẽ củng cố kỹ năng tư duy thấu đáo và kỹ năng giải quyết vấn đề; kỹ năng quản lý và lãnh đạo, hoạt động nhóm hiệu quả và an toàn; Phát triển kỹ năng duy trì các mối quan hệ hợp tác nhằm xây dựng nhóm chăm sóc sức khỏe hiệu quả; Chăm sóc lấy bệnh nhân và gia đình làm trung tâm trong các môi trường chăm sóc khác nhau; Hiểu và quảng bá quan điểm đúng về điều dưỡng trong hệ thống Y tế và cộng đồng.

